

# PHONG TRÀO DUY TÂN MỘT TRĂM NĂM HỘI NHẬP

(Trình bày tại Đại hội Quảng Nam tại Community Meeting Center,  
[Garden](#) Grove, [California](#) ngày 4-9-2005)

## *Trần Gia Phụng*

Ngày nay, người ta thường nói rằng dân chủ hóa là xu hướng toàn cầu. Người Việt ở trong cũng như ngoài nước hiện đang nỗ lực vận động để Việt Nam tiến lên con đường dân chủ và hội nhập vào trào lưu dân chủ trên thế giới. Thật ra, dân chủ hóa không phải là ý niệm mới mẻ ở Việt Nam, và tiến trình vận động dân chủ đã bắt đầu tại nước ta cách đây đúng một trăm năm, với Phong trào Duy tân, phát khởi đầu tiên ở Quảng Nam năm 1905. Muốn thấy rõ tiến trình cuộc vận động dân chủ này, có lẽ đầu tiên nên tìm hiểu hoàn cảnh lịch sử nước Việt Nam vào đầu thế kỷ 20.

### 1.- HOÀN CẢNH LỊCH SỬ

Hoàn cảnh lịch sử Việt Nam vào đầu thế kỷ 20 có thể tóm lược như sau:

Sau hai hòa ước năm 1862 và 1874, sáu tỉnh Nam kỳ trở thành thuộc địa Pháp. Từ đó, Pháp trực tiếp cai trị Nam kỳ, thi hành nền hành chính thuộc địa, truyền bá văn hóa Pháp, mở trường dạy chương trình Pháp, dùng Pháp văn và chữ Quốc ngữ làm chuyên ngữ chính thức từ năm 1878. Kể từ 1-1-1882, chỉ những người biết chữ Quốc ngữ mới được tuyển dụng vào các cơ quan hành chính cấp phủ, huyện, tổng. Điều này có nghĩa là từ đây, Nho học phải chấm dứt tại Nam kỳ. Pháp thiết lập những cơ sở kinh tế, phát triển giao thương, xây dựng những cơ quan hành chính, những công trình kiến trúc... Như thế, ngay từ sau hòa ước 1874, toàn thể sáu tỉnh Nam kỳ bắt đầu chuyển biến theo ảnh hưởng của nền văn hóa Pháp dưới sự cai trị của chế độ mới.

Tại Trung và Bắc kỳ, theo hòa ước 1884, Pháp bảo hộ Việt Nam. Pháp càng ngày càng củng cố chế độ bảo hộ, áp đảo và thao túng triều đình Huế (1884), biến nước ta thành một xứ bán thuộc địa, ra lệnh thiết lập Nha Kinh lược Bắc kỳ (1886) để tách Bắc kỳ ra khỏi triều đình Huế, và cuối cùng thành lập Liên bang Đông Dương (1887), bao gồm Cambodia, Lào, Bắc, Trung và Nam kỳ dưới hệ thống hành chính của Pháp.

Pháp ra sức ổn định tình hình an ninh, đánh dẹp tất cả những cuộc kháng chiến chống Pháp, từ phong trào Cần vương do vua Hàm Nghi lãnh đạo năm 1885, qua phong trào Văn thân, mà cuộc nổi dậy quan trọng cuối cùng của Hoàng Hoa Thám, kéo dài qua đầu thế kỷ 20, nhưng rồi cũng bị dẹp yên, nghĩa là những cuộc kháng chiến võ trang chống Pháp đều hoàn toàn thất bại

Trong việc cai trị tại Trung và Bắc kỳ, Pháp duy trì chế độ quân chủ. Pháp sử dụng vua quan Việt làm công cụ thực hiện chính sách thuộc địa khai thác của Pháp. Nói cách khác, Pháp để cho triều đình Huế tiếp tục duy trì hệ thống cai trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục theo đường lối cổ truyền, miễn sao để cho Pháp trực lợi mà thôi. Nền Nho học và các khoa thi Nho học vẫn được tiếp tục tổ chức cho đến năm 1918 mới chấm dứt. Như thế, vào đầu thế kỷ 20, xã hội Việt Nam vẫn bị đóng khung trong chế độ quân chủ và nền văn hóa Nho giáo, dưới sự kiểm soát của Pháp.

## 2. PHONG TRÀO DUY TÂN

Nói cho đúng, ngay sau khi mất ba tỉnh miền Đông Nam kỳ năm 1862, tại triều đình Huế cũng đã có nhiều sĩ phu đưa ra đề nghị cải cách và canh tân đất nước. Phan Thanh Giản (1796-1867) cùng Phạm Phú Thứ (1820-1871), sau cuộc đi sứ qua Pháp năm 1863, mỗi người đều dâng sớ lên vua Tự Đức và triều đình, đề nghị canh tân xứ sở, nhưng không được chấp thuận. Phan Thanh Giản đã than rằng: "*Từ ngày đi sứ đến Tây kinh, / Thấy việc Âu châu phải giết mình. / Kêu rú đồng bang mau thức dậy, / Hết lời năn nỉ chẳng ai tin.*" Sau đó, Nguyễn Trường Tộ (1828-1871), Nguyễn Lộ Trạch (1843-1898) cũng trình lên triều đình Huế nhiều bản điều trần đề duy tân, nhưng đều bị triều đình từ chối, và không được truyền bá ra quần chúng.

Xã hội Việt Nam ở Trung và Bắc kỳ thay đổi rất chậm chạp, nếu không muốn nói là dậm chân tại chỗ trong khung cảnh văn hóa Nho giáo và quân chủ đã thịnh hành từ hàng chục thế kỷ trước. Chính trong hoàn cảnh đó, tại Quảng Nam vào đầu thế kỷ 20 xuất hiện hai phong trào Đông du và Duy tân, là hai phong trào vận động văn hóa và chính trị theo hướng hội nhập vào trào lưu thế giới, nhưng mỗi bên đi theo một con đường khác nhau.

Phong trào Đông du do Phan Bội Châu (1867-1940) và Nguyễn Thành (1863-1911) chủ trương. Vào năm 1904, tại sơn trang Nam Thịnh, làng Thạnh Mỹ, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Phan Bội Châu cùng Nguyễn Thành thành lập một nghĩa hội bí mật, đưa Kỳ Ngoại Hầu Cường Để lên làm minh chủ, nhằm mục đích chuẩn bị tổ chức bạo động và kiếm cách cầu viện nước ngoài để chống Pháp. Do sự vận động tài chánh của Nguyễn Thành, Phan Bội Châu ra khỏi nước năm 1905, sang Trung Hoa, rồi qua Nhật. Theo lời khuyên của những chính trị gia Nhật, Phan Bội Châu đưa Cường Để cùng các thanh niên sang Nhật du học để trở về cứu nước. Thấy được nguy cơ này, Pháp thương lượng và ký kết với Nhật Bản hiệp ước ngày 10-6-1907, theo đó Pháp nhượng cho Nhật một số quyền lợi kinh tế ở Đông Dương, để đổi lại, Nhật thôi ủng hộ phong trào Đông du, trục xuất tất cả các du học sinh Việt Nam ra khỏi đất Nhật năm 1908, nên phong trào Đông du tan rã. Đây là một kinh nghiệm lịch sử cần được nhớ kỹ về việc cầu viện nước ngoài, vì tất cả những người nước ngoài đến Việt Nam đều vì quyền lợi riêng tư của họ.

Song song với phong trào Đông du, một số nhà khoa bảng Quảng Nam lại mở một cuộc vận động khác. Các ông đồ đại khoa như cử nhân, phó bảng, tiến sĩ Nho học, nhưng không ra làm quan hoặc từ quan và mở cuộc vận động cải cách. Các nhân vật chính yếu như Phan Châu Trinh (1872-1926), Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947), Trần Quý Cáp (1870-1908), hoạt động công khai, không lập hội bí mật. Người ta thường gọi phong trào do các ông đề xướng là Phong trào Duy tân. Sau đây là những chủ trương của phong trào Duy tân.

### 3.- CHỦ TRƯỞNG CỦA PHONG TRÀO DUY TÂN

#### CHỦ TRƯỞNG CHUNG

Chủ trương chung thứ nhất của phong trào Duy tân là trực tiếp vận động duy tân với dân chúng khắp nước, chứ không thông qua triều đình Huế, không trình bày đề nghị hay dự án cải cách lên vua hay các đại quan.

Chủ trương chung thứ nhì là phong trào Duy tân hoạt động công khai, bất bạo động, không cầu viện ngoại bang, không gia nhập một đảng phái hay hội kín nào cả. Trong phần kết luận bài "Hiện trạng vấn đề" diễn thuyết tại Hà Nội năm 1907, Phan Châu Trinh viết: "*Không nên trông người ngoài, trông người ngoài là ngu. Không nên bạo động, bạo động thì chết.*"

Công cuộc tranh đấu bất bạo động của phong trào Duy tân, khởi xướng từ 1905 tại Việt Nam, đi trước ông Mohandas K. Gandhi (1869-1948), người Ấn Độ, mở đầu chiến dịch bất bạo động chống sự kỳ thị dân Ấn tại Nam Phi năm 1907.

Chủ trương chung thứ ba hướng về tương lai, là vận động nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, phát triển dân sinh, vận động dân quyền.

## CHỦ TRƯỞNG VỀ VĂN HÓA

Cũng trong phần kết luận bài diễn thuyết ở Hà Nội năm 1907, Phan Châu Trinh nói tiếp: “*Tôi chỉ có một lời để nói với đồng bào, không gì bằng học.*” Phong trào duy tân khuyến khích việc học để nâng cao dân trí, hay nói cách khác nâng cao dân trí bằng giáo dục, chủ yếu là giáo dục quần chúng. Vào thời đó, chưa có tổ chức học đường như ngày nay. Các nhà duy tân vận động mở những lớp học và từ đó phổ biến tất cả các loại kiến thức phổ thông cho quần chúng, từ nếp sống văn minh mới đến những hiểu biết về kinh tế, chính trị, khoa học...

Tuy xuất thân đại khoa bằng Nho học, những nhà lãnh đạo phong trào Duy tân chủ trương thay thế chữ Nho bằng chữ Quốc ngữ (tiếng Việt được la-tinh hoá) để có thể mở mang giáo dục, vì Quốc ngữ dễ học, dễ viết, có thể dùng làm phương tiện truyền bá kiến thức phổ thông rộng rãi đến dân chúng

Các nhà Duy tân không đồng ý với lối học từ chương cổ điển, nhồi sọ theo giáo điều Tống Nho chỉ để phục vụ chế độ quân chủ, chặn đứng mọi sáng kiến và làm trì trệ xã hội. Chủ trương này thể hiện rõ nét nhất qua hai bài “Chí thành thông thánh thi” của Phan Châu Trinh và “Danh sơn lương ngọc phú” do Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng làm chung, dưới cùng ký tên Đào Mộng Giác, tại trường thi Bình Định năm 1905.

Phong trào Duy tân còn chủ trương hướng việc giáo dục vào thực tế, dạy đủ các nghề từ công nghiệp đến thương mại, chứ không phải chỉ chăm chú vào sách vở thánh hiền, văn chương chữ nghĩa, học thuyết chính trị, luân lý xã hội.

Đi đến đâu, các ông đều kêu gọi mở trường dạy chữ Quốc ngữ và dạy nghề. Những trung tâm hoạt động náo nhiệt nhất là Quảng Nam, Bình Thuận và Hà Nội, trong đó nổi tiếng nhất là Đông Kinh Nghĩa Thục tại Hà Nội, vì Hà Nội lúc đó là thủ đô chính trị của toàn cõi Đông Dương. Việc chuyển hướng từ chữ Nho qua chữ Quốc ngữ do Phan Châu Trinh và nhóm Duy tân đề xướng vào đầu thế kỷ 20 là cánh cửa rộng mở giúp nền văn hoá Việt Nam nhanh chóng đi lên theo đà phát triển khoa học kỹ thuật hiện nay.

## CHỦ TRƯỞNG VỀ KINH TẾ

Phong trào Duy tân chủ trương mở mang kinh tế, khuyến khích những sinh hoạt mới mẻ, như lập “nông hội”, và “thương hội”, do những nhân sĩ địa phương đứng ra điều hành. Các tổ chức này rất tự do và dân chủ, khác với các hợp tác xã nông và thương nghiệp của chế độ cộng sản sau này. Đa số những nông hội quan trọng được tổ chức ở vùng Tam Kỳ, Hà Lam, chuyên trồng quế, chè, tiêu là những nông sản đặc biệt.

Phong trào Duy tân ở Quảng Nam có ba thương hội quan trọng: đó là các thương hội Phong Thù, Thăng Bình và Hội An. Thương hội Phong Thù do ông Phan Thúc Duyệt (Diện) điều khiển; hội buôn Thăng Bình ở làng Phú Lâm do xã Sáu Lê Cơ chủ trương; và thương cuộc Hội An do Nguyễn Toàn, tức ông bang tá Kỳ Lam đặc trách, và Mai Tảo hay Học Tảo làm quản lý, ở đường Chùa Cầu. Thương hội vừa bán sỉ, vừa bán lẻ đủ các loại hàng, tổ chức rất chu đáo, trên mỗi món hàng có dán nhãn hiệu, ghi giá nhất định. Một thương hội nổi tiếng ở Bình Thuận do Phan Châu Trinh khuyến khích các nhà hoạt động duy tân Bình Thuận thành lập, vẫn còn hoạt động cho đến ngày nay là Công ty Liên Thành ở Phan Thiết.

Những tổ chức kinh tế trên đây so với ngày nay rất tầm thường, nhưng so với thời buổi kinh tế lạc hậu lúc bấy giờ, là một sáng kiến đặc biệt hiếm có, đặt nền móng cho việc phát triển ngành công nghệ và thương mại để thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

## CHỦ TRƯỞNG VỀ CHÍNH TRỊ

Trong sách Tự Phán, Phan Bội Châu cho biết sau khi đi Nhật năm 1906 trở về, Phan Châu Trinh khẳng định lập trường của ông: "Chỉ nên đề xướng dân quyền, dân đã biết có quyền thì việc khác có thể tính lần được." Vào đầu thế kỷ 20, đây là một chủ trương rất mới lạ và rất tiến bộ. Phan Châu Trinh là nhà chính trị Việt Nam đầu tiên đề xướng dân quyền trước công luận nước nhà. Phan Châu Trinh cũng là người đầu tiên báo động tình trạng thiếu dân quyền ở Việt Nam tại Paris, chẳng những là thủ đô của nước Pháp, mà còn là một trung tâm văn hóa chính trị quan trọng trên thế giới.

Điểm đặc biệt, Phan Châu Trinh hết sức chống đối chế độ nhân trị mà tượng trưng là chế độ quân chủ thời ông. Điều này được biểu lộ rõ nét trong hai bài viết: Thứ nhất là thư "Thất điều" đề ngày 15-7-1922 bằng chữ Nho, kể bảy tội của vua Khải Định (trị vì 1916-1925) khi vị vua này sang Pháp tham dự cuộc đấu xảo (tức hội chợ triển lãm ngày nay) tại thành phố Marseilles ở phía nam nước Pháp. Bảy điều đó là: "Tôn bậy quân quyền, lạm hành thưởng phạt, thích chuộng sự quỳ lạy, xa xỉ vô độ, ăn bận không phải lối, tội chơi bời, chuyên đi Tây có sự ám muội." Thư Thất Điều được các báo Pháp dịch đăng ở Paris, gây một tiếng vang rất lớn trong dư luận thời đó tại Paris.

Thứ nhì là bài "Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa" do Phan Châu Trinh diễn thuyết ở Sài Gòn năm 1926 trước khi từ trần. Trong bài này, Phan Châu Trinh cho rằng chế độ quân chủ là một chế độ có tính cách nhân trị, nghĩa là con người cai trị xã hội theo ý kiến chủ quan của mình, chứ không dựa trên một căn bản pháp luật nào cả, tức không có tính cách pháp trị. Nếu gặp một vị vua sáng suốt thì nền cai trị đó sẽ tốt đẹp, nhưng nếu gặp một kẻ làm vua hôn ám thì nền chính trị sẽ đen tối, và chắc chắn nhân dân sẽ lâm than cơ cực.

Phong trào Duy tân chủ trương thiết lập chế độ dân chủ pháp trị với tam quyền phân lập theo kiểu tây phương, được phân định rõ ràng bằng hiến pháp. Hiến pháp do quốc hội soạn, quốc hội do dân chúng tự do bầu ra. Nền dân chủ có tính cách pháp trị rõ ràng và bình đẳng: "*...Từ ông tổng thống cho đến người nhà quê cũng đều chịu theo một pháp luật như nhau...*" (lời Phan Châu Trinh trong bài diễn thuyết trên.)

Phong trào Duy tân phát khởi năm 1905 và bị Pháp đàn áp mạnh mẽ vào năm 1908 sau những cuộc biểu tình đòi hỏi giảm xâu thuế của đồng bào miền Trung. Tuy vậy, ảnh hưởng của phong trào Duy tân khá sâu rộng trong quần chúng Việt Nam.

## 4.- ẢNH HƯỞNG CỦA PHONG TRÀO DUY TÂN

Thông thường, phong trào văn hóa thường đưa đến những hậu quả chậm phát, khác với những bùng nổ về chính trị hay quân sự. Phong trào Duy tân vào đầu thế kỷ 20 cũng vậy. Đây là một tiến trình vận động lâu dài mới có kết quả. Việc nâng cao dân trí, tức việc giáo dục quần chúng, không thể một sớm một chiều mà thành tựu. Người Pháp muốn thực hiện chính sách ngu dân, để dân trí chậm phát triển, mới dễ bề cai trị. Riêng việc kêu gọi truyền bá chữ Quốc ngữ của phong trào Duy tân, mãi cho đến năm 1924 mới có kết quả cụ thể. Vào năm này, tức 20 năm sau cuộc vận động của các nhân vật Quảng Nam, toàn quyền Liên bang Đông Dương công bố nghị định sử dụng chữ Quốc ngữ là chữ viết chính thức và cho giảng dạy chữ Quốc ngữ tại các trường tiểu học Việt Nam.

Cũng về văn hóa, phong trào Duy tân đã phá những thể tài văn chương cổ điển, chỉ để giải trí, vô bổ. Do sự vận động của phong trào Duy tân, chiều hướng văn chương Việt Nam bắt đầu chuyển đề tài qua chính

trị và tranh đấu chống Pháp. Cũng do phong trào Duy tân, những vấn đề chính trị trước đây chỉ được bàn luận hạn chế trong triều đình, nay được trình bày công khai trên báo, hay diễn thuyết cho toàn thể dân chúng cùng nhau tham gia thảo luận.

Thứ nhì, chủ trương chính trị của phong trào Duy tân tuy ảnh hưởng chậm chạp, lặng lẽ nhưng sâu rộng trong quần chúng. Chính phong trào Duy tân đã sửa soạn dự luận quần chúng, tạo nên sự chuyển biến, đưa đến hệ tự tưởng dân chủ ngày nay. Những cuộc biểu tình tuần hành trong cuộc Trung kỳ dân biểu năm 1908, đòi hỏi giảm thuế, hạ thuế, chính là kết quả trực tiếp của công cuộc vận động của phong trào Duy tân.

Nhà cầm quyền Pháp rất nhạy bén, và nhận ra ngay ảnh hưởng sâu rộng của phong trào Duy tân trong quần chúng. Nhân vụ dân biểu năm xảy ra vào năm 1908 tại Quảng Nam và lan ra khắp các tỉnh Trung kỳ, Pháp liền bắt ngay những nhà lãnh đạo phong trào Duy tân đày đi Côn Lôn, dầu họ không dính líu gì đến cuộc dân biểu. Louis Bonhoure (quyền toàn quyền Đông Dương từ 28-2-1908 đến 23-9-1908) đã nhận xét rằng thơ văn Phan Châu Trinh tuy không tỏ ra bạo động như Phan Bội Châu, nhưng xảo quyệt và nguy hiểm hơn cho sự thống trị của người Pháp.

Sau khi đàn áp phong trào Duy tân và các cuộc dân biểu vào năm 1908, Pháp du nhập phong trào văn chương lãng mạn Pháp vào Việt Nam, để thay thế phong trào Duy tân có tính cách chính trị bằng phong trào duy tân thuần túy văn chương, chuyển hệ trở lại theo thể loại văn chương tình cảm uỷ mị, nhằm làm uỷ mị và ru ngủ tinh thần thanh thiếu niên Việt Nam, để người Việt lạc hướng và không còn tranh đấu giành độc lập. Đó là một trong những lý do chính đưa đến sự hình thành nền văn chương lãng mạn vào nửa đầu thế 20 ở nước ta.

## 5.- VẤN CÒN ĐÓ, NHỮNG VẤN ĐỀ DUY TÂN

Lịch sử Việt Nam biến chuyển mạnh mẽ vào giữa thế kỷ 20, từ chế độ quân chủ và thuộc địa, sang chế độ cộng hòa, rồi chế độ cộng sản, nhưng những vấn đề dân chủ, dân quyền, pháp trị căn bản cho Việt Nam vẫn còn tri tri, chưa được khả quan.

Về phương diện kinh tế, ngay từ đầu thế kỷ 20, phong trào Duy tân kêu gọi mở mang kỹ nghệ, phát triển thương mại, nghĩa là khuyến khích đường lối kinh tế tự do, trong khi hiện nay, nền kinh tế trong nước phải theo “định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Về phương diện văn hóa, phong trào Duy tân chống lại lối học từ chương giáo điều theo Nho giáo dưới chế độ quân chủ. Ngày nay, ở trong nước, cách thức học nhồi sọ theo kiểu giáo điều Tống Nho được thay thế bằng nhồi sọ theo giáo điều Mác xít. Ngày xưa, sách vở Nho học thường bắt đầu bằng câu: “Từ viết...” (nghĩa là: “Khổng tử nói: ...”), thì ngày nay, sách vở cộng sản luôn luôn ghi là: “Marx hay Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh nói: ...”. Những lời nói của các ông này được chế độ cộng sản xem là khuôn mẫu Mác xít, nhồi nhét vào đầu người học, bắt phải thuộc lòng mà không được bàn luận. Do đó, ngày nay muốn cải cách văn hóa thì cũng phải đi theo chủ trương Duy tân, nghĩa là bỏ hẳn lối học giáo điều nhồi sọ Mác xít vì lối học này chặn đứng tất cả mọi sáng kiến, không cho ai có thể suy nghĩ ra ngoài “định hướng xã hội chủ nghĩa”, làm thui chột trí tuệ của thanh niên.

Hơn nữa, việc nâng cao dân trí, tức việc giáo dục quần chúng thật cần thiết, nhất là những thói quen cư xử trong đời sống, cách thức làm việc của một xã hội văn minh... Có như thế, người Việt Nam mới tiến bộ theo đà văn minh thế giới.

Về phương diện chính trị, đáng chú ý đầu tiên là phong trào Duy tân đã phá chế độ nhân trị, có nghĩa là chế độ được cai trị bằng những ý kiến cá nhân chứ không phải bằng pháp quy, pháp trị. Tượng trưng cho chế độ nhân trị lúc bấy giờ là chế độ quân chủ, vì vậy phong trào Duy tân mới chống chế độ quân chủ.

Hiện nay, ở trong nước, chế độ cộng sản tuy chống chế độ quân chủ, nhưng cũng là một chế độ nhân trị. Điều 4 chương 1 hiến pháp năm 1992 đặt đảng CSVN đứng trên hiến pháp, và đảng CSVN nắm trong tay mọi quyền hành trong nước vì "là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội". Điều này còn có nghĩa là đảng CS tùy tiện điều hành việc nước chứ không dựa trên căn bản pháp trị.

Đảng CS cai trị đất nước bằng những nghị quyết của các cuộc hội nghị trong nội bộ đảng. Nghị quyết là kết quả của các hội nghị đảng bộ, chứ không phải là hiến pháp hay pháp luật. Đặc biệt, đảng bộ cộng sản cấp nào cũng có quyền ra nghị quyết và bắt địa phương thi hành. Ở trung ương thì có Bộ chính trị, Ủy ban Trung ương đảng, ở địa phương thì có đảng ủy địa phương như tỉnh, thành, huyện, quận, xã, phường... Như thế còn có nghĩa là chế độ CS không thực hiện tam quyền phân lập như chủ trương của phong trào Duy tân, vì dân chủ pháp trị thì không thể độc tài được. Những hình thức quốc hội hay hội đồng tỉnh, hội đồng thành phố hiện nay ở trong nước chỉ có tính cách trang trí cho chế độ, vì ở trong nước hiện nay không có tự do ứng cử. Một người muốn ứng cử phải được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc giới thiệu. Mặt trận Tổ quốc là một tổ chức ngoại vi của đảng Cộng Sản. Người dân chỉ đi bỏ phiếu bầu những người đã được đảng Cộng Sản tuyển chọn trước. Những người đắc cử vào quốc hội hay các hội đồng tỉnh thành, do đảng chọn lựa, thì chỉ làm việc theo nghị quyết của đảng mà thôi.

Thời Pháp thuộc, nền hành chính có tính cách song hành: vừa có nền hành chính của người Pháp, vừa có nền hành chính Việt Nam, nhưng chỉ ở cấp trung ương và ngang đến cấp tỉnh hoặc thành phố. Sách vở đảng CS thường gọi nền hành chính thời Pháp thuộc là "một cổ hai tròng". Thiết tưởng không có từ ngữ nào đúng hơn cho nền hành chính trong nước hiện nay, vì CS cũng áp dụng nền hành chính song hành như thời Pháp thuộc, nhưng rộng lớn hơn, từ trung ương xuống tới phường khóm hay làng xã. Bên cạnh nhà cầm quyền, luôn luôn có cấp ủy đảng (đảng ủy). Người dân phải đóng thuế để nuôi bộ máy hành chính song hành công kênh, nghĩa là người dân vẫn phải mang hai tròng nơi cần cổ.

## KẾT LUẬN

Như thế, đầu tiên trình cải cách, đòi hỏi dân chủ, dân quyền do phong trào Duy tân đã đưa ra cách đây đúng một trăm năm, ngày nay vẫn còn đó. Nước Việt Nam chúng ta đã xảy ra những biến chuyển lớn lao, lớn lao đến độ long trời lở đất, nhưng về phương diện văn hóa và chính trị, Việt Nam chỉ chuyển dịch theo một tiến trình đường tròn và trở về điểm xuất phát cách đây một thế kỷ, nghĩa là trở lại chỗ cũ của đầu thế kỷ 20.

Dưới chế độ hiện nay ở trong nước, vẫn lối học giáo điều, nhưng thay vì giáo điều Nho giáo, bây giờ là giáo điều Mác xít. Vẫn chế độ nhân trị độc tài, nhưng thay vì nhân trị độc tài quân chủ, thì nay là nhân trị độc tài cộng sản. Nhân trị độc tài CS hoàn toàn không chấp nhận pháp trị. Nhân trị độc tài CS điều hành đất nước bằng những nghị quyết của đảng CS, hoàn toàn đi ngược với trào lưu dân chủ hiện nay trên thế giới. Nói cách khác, thực chất chế độ cộng sản hiện nay ở trong nước chẳng qua chỉ là biến thái của chế độ quân chủ chuyên chế ngày trước mà thôi.

Ngoài ra, sau những kinh nghiệm đau thương vì ngoại viện, vì chiến tranh, người Việt mới nghĩ đến việc tranh đấu chính trị bất bạo động, và thâm thía lời nói của Phan Châu Trinh: "*Không nên trông người ngoài, trông người ngoài là ngu. Không nên bạo động, bạo động thì chết.*" Nói như thế, không có nghĩa là chúng ta ngừng tranh đấu, mà chúng ta vẫn tiếp tục cuộc tranh đấu cho tự do dân chủ bằng những phương tiện dân chủ, bằng chính trị, và bằng văn hóa. Trong cuộc tranh đấu trường kỳ này, bên nào đứng về phía lẽ phải, về phía lòng dân, về phía nhân bản, chắc chắn bên đó sẽ thắng.

Do đó, trong hoàn cảnh hiện nay của đất nước, việc ôn lại những bài học của phong trào Duy tân cách đây một trăm năm về việc hội nhập vào trào lưu tự do dân chủ trên thế giới, thiết tưởng thật là cần thiết, vì tự

do dân chủ, nhân quyền, dân quyền, là con đường sáng dẫn đến tương lai dân tộc, là lực đẩy cho Việt Nam tiến lên.

Tiến trình vận động dân chủ, dân quyền và nhân quyền đã được phong trào Duy tân khởi xướng ở Việt Nam cách đây một thế kỷ, là một tiến trình chưa trọn vẹn, hiện đang bị gián đoạn. Chỉ khi nào khai thông được tiến trình này, thì đất nước Việt Nam mới hy vọng tiến lên và hội nhập theo đà phát triển của các nước khác trên thế giới. Đó là giấc mơ vàng của người Việt Nam hiện đại, trong đó có người Quảng Nam. Vì hoàn cảnh chính trị, chúng ta phải rời xa Quảng Nam, nhưng Quảng Nam nói riêng và Việt Nam nói chung, không bao giờ ra khỏi tâm trí chúng ta.

**TRẦN GIA PHỤNG**  
**(Toronto, Canada)**